

**Phụ lục II-25**  
**TÊN DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ....../....../..... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (nếu có): ....../....../.....

Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

**Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):**  
.....

**Mã số doanh nghiệp:** .....

**Đăng ký lần đầu ngày**...../...../.....

**Đăng ký thay đổi lần thứ**.....**ngày**...../...../.....

Đề nghị đăng Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Ngày bắt đầu đăng thông tin: ...../...../.....

Ngày kết thúc đăng thông tin: ...../...../.....

Văn bản gửi kèm (chỉ kê khai nếu doanh nghiệp có văn bản gửi kèm)  
.....  
.....

Đề nghị Quý Phòng xem xét, đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi họ tên)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục III-1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch .....

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: ....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

☐

Chứng minh nhân dân

☐

Căn cước công dân

☐

Hộ chiếu

☐

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (nếu có): ...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**Đăng ký hộ kinh doanh với các nội dung sau:**

**1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):** .....

**2. Địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**3. Ngành, nghề kinh doanh<sup>1</sup>:** .....

**4. Vốn kinh doanh:**

Tổng số (bằng số; VNĐ): .....

Phần vốn góp của mỗi cá nhân (đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân góp vốn thành lập; kê khai theo mẫu): Gửi kèm

**5. Số lượng lao động (dự kiến):** .....

**6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (đánh dấu X vào ô thích hợp):**

☐

Cá nhân

☐

Nhóm cá nhân

☐

Hộ gia đình

**7. Thông tin về các thành viên tham gia thành lập hộ kinh doanh (kê khai theo mẫu; chỉ kê khai đối với hộ kinh doanh thành lập bởi nhóm cá nhân):** gửi kèm.

Tôi và các cá nhân tham gia thành lập hộ kinh doanh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

<sup>1</sup>

- Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;  
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

- Địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>2</sup>

---

<sup>2</sup> Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục III-2**

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP HỘ KINH DOANH**

| STT | Họ tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu | Vốn góp                                             |           |                                                              | Thời điểm góp vốn | Chữ ký |
|-----|--------|-----------------------|-----------|-----------|---------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------|-------------------|--------|
|     |        |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           | Giá trị phần vốn góp <sup>1</sup><br>(bằng số; VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn <sup>2</sup> |                   |        |
| 1   | 2      | 3                     | 4         | 5         | 6       | 7              | 8                              | 9                                                                         | 10                                                  | 11        | 12                                                           | 13                | 14     |
|     |        |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |                                                     |           |                                                              |                   |        |

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH**

(Ký và ghi họ tên)<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng cá nhân.

<sup>2</sup> Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác

<sup>3</sup> Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục III-3

**TÊN HỘ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch .....<sup>1</sup>

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa điểm kinh doanh: .....

Điện thoại: ..... Fax (*nếu có*): .....

Email (*nếu có*): ..... Website (*nếu có*): .....

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:**

.....  
.....  
.....

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này (*Trường hợp đăng ký thay đổi địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh phải cam kết về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở dự định chuyển tới*).

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi họ tên)<sup>2</sup>

<sup>1</sup>

- Trường hợp hộ kinh doanh thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ghi tên Phòng Tài chính - Kế hoạch nơi hộ kinh doanh đã đăng ký.

- Trường hợp hộ kinh doanh thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 75 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ghi tên Phòng Tài chính - Kế hoạch nơi hộ kinh doanh dự định đặt địa chỉ mới.

<sup>2</sup> Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục III-4**

**TÊN HỘ KINH DOANH**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch .....

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Số Giấy chứng nhận hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa điểm kinh doanh:.....

Điện thoại:..... Fax (*nếu có*):.....

Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):.....

**Thông báo tạm ngừng kinh doanh như sau:**

Thời gian tạm ngừng: .....

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày..... tháng ..... năm .....

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày ..... tháng ..... năm .....

Lý do tạm ngừng: .....

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH**

(*Ký, ghi họ tên*)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục III-5**

**TÊN HỘ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch .....

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa điểm kinh doanh: .....

Điện thoại: ..... Fax (*nếu có*): .....

Email (*nếu có*): ..... Website (*nếu có*): .....

Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày ...../...../.....

Hộ kinh doanh cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH**

(*Ký, ghi họ tên*)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục III-6**

**TÊN HỘ KINH DOANH**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
....., ngày..... tháng..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch .....

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa điểm kinh doanh: .....

Điện thoại: ..... Fax (*nếu có*): .....

Email (*nếu có*): ..... Website (*nếu có*): .....

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....  
.....

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH**  
(*Ký, ghi họ tên*)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

**Mã số doanh nghiệp: .....**

*Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ....., ngày.....tháng.....năm.....*

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: .....

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*: .....

**2. Địa chỉ trụ sở chính: .....**

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Chủ doanh nghiệp**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*: ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục IV-2

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: .....

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ: ....., ngày.....tháng.....năm.....

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên công ty viết tắt (nếu có): .....

**2. Địa chỉ trụ sở chính: .....**

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Vốn điều lệ (bằng số; bằng chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có): .....**

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

***Đối với chủ sở hữu là cá nhân:***

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

***Đối với chủ sở hữu là tổ chức:***

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Địa chỉ trụ sở chính: .....

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty<sup>1</sup>**

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....  
Chức danh: .....  
Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Chỗ ở hiện tại: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

<sup>1</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật

**Phụ lục IV-3**

**SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: .....**

*Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ....., ngày.....tháng.....năm.....*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên công ty viết tắt (*nếu có*): .....

**2. Địa chỉ trụ sở chính: .....**

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*): .....**

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị phần vốn góp<br>(VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                |                                                                                      |                                                                                          |           |                                                                                                                                                   |         |

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty<sup>1</sup>**

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

---

<sup>1</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**Phụ lục IV-4**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: .....**

**Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....**

**Đăng ký thay đổi lần thứ: ....., ngày.....tháng.....năm.....**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên công ty viết tắt (*nếu có*): .....

**2. Địa chỉ trụ sở chính: .....**

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*): .....**

Mệnh giá cổ phần: .....

Tổng số cổ phần: .....

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty<sup>1</sup>**

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

<sup>1</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Phụ lục IV-5

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY HỢP DANH**

Mã số doanh nghiệp: .....

*Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ....., ngày.....tháng.....năm.....*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên công ty viết tắt (*nếu có*): .....

**2. Địa chỉ trụ sở chính: .....**

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*): .....**

**4. Danh sách thành viên hợp danh**

| STT | Tên thành viên hợp danh | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Quốc tịch | Giá trị phần vốn góp ( <i>VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i> ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) |
|-----|-------------------------|--------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------|
|     |                         |                                |           |                                                                                                |           |                                                 |

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục IV-6**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện: .....**

*Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: .....ngày.....tháng.....năm.....*

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa): .....**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (nếu có): .....

**2. Địa chỉ: .....**

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..... / ..... / ..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục IV-7**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

*(Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh)*

Cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

**1. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

**2. Thông tin về địa điểm kinh doanh thuộc doanh nghiệp<sup>1</sup>**

- Tên địa điểm kinh doanh viết bằng Tiếng Việt: .....

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có): .....

Mã số địa điểm kinh doanh: .....

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

Ngày lập địa điểm kinh doanh: .....

Tên người đứng đầu địa điểm kinh doanh: .....

**3. Thông tin về địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh<sup>2</sup>**

- Tên địa điểm kinh doanh: .....

Mã số địa điểm kinh doanh: .....

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

Ngày lập địa điểm kinh doanh: .....

Tên người đứng đầu địa điểm kinh doanh: .....

Tên chi nhánh chủ quản: .....

Mã số chi nhánh chủ quản: .....

Địa chỉ chi nhánh chủ quản: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

<sup>1, 2</sup> Liệt kê thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh thuộc doanh nghiệp/chi nhánh.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

*(Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh)*

**Mã số địa điểm kinh doanh: .....**

*Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: .....ngày.....tháng.....năm.....*

**1. Tên địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa): .....**

Tên địa điểm kinh doanh bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có): .....

**2. Địa chỉ: .....**

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..... / ..... / ..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:**

Tên doanh nghiệp/chi nhánh (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: .....

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục V-1

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ ghi nếu doanh nghiệp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

**Ngành, nghề kinh doanh:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-----------|----------|------------------------------|
|     |           |          |                              |

**Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

.....

**Người đại diện theo ủy quyền:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

| STT | Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài | Tên người đại diện theo ủy quyền | Chỗ ở hiện tại | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) | Vốn được ủy quyền                                                                               |           |                             |
|-----|------------------------------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------|
|     |                                          |                                  |                |                                                 | Tổng giá trị vốn được đại diện (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Thời điểm đại diện phân vốn |
|     |                                          |                                  |                |                                                 |                                                                                                 |           |                             |

**Cổ đông sáng lập:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

| S<br>T<br>T | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|             |             |                                                                                      |              |            |                                                                                  |           |                                                                                                                                                        |         |

**Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

| S<br>T<br>T | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|             |             |                                                                      |              |            |                                                                                  |           |                                                                                                               |         |

**Thông tin đăng ký thuế:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

| STT           | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                           |               |                        |       |       |       |       |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 1             | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                      |               |                        |       |       |       |       |
| 2             | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                      |               |                        |       |       |       |       |
| 3             | Địa chỉ nhận thông báo thuế: .....<br>Điện thoại: ..... Fax: .....<br>Email: .....                                                                                                                                                            |               |                        |       |       |       |       |
| 4             | Hình thức hạch toán: ( <i>Hạch toán độc lập/Hạch toán phụ thuộc</i> ) .....                                                                                                                                                                   |               |                        |       |       |       |       |
| 5             | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../..... đến ngày ...../.....<br>( <i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i> )                                                                                                          |               |                        |       |       |       |       |
| 6             | Tổng số lao động ( <i>dự kiến</i> ): .....                                                                                                                                                                                                    |               |                        |       |       |       |       |
| 7             | Phương pháp tính thuế GTGT ( <i>Khấu trừ; Trực tiếp trên GTGT; Trực tiếp trên doanh số; Không phải nộp thuế GTGT</i> ): .....                                                                                                                 |               |                        |       |       |       |       |
| 8             | Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th><th>Số tài khoản ngân hàng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table> | Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng                                                                                                                                                                                                                        |               |                        |       |       |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                         |               |                        |       |       |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                         |               |                        |       |       |       |       |

**Thông tin về người quản lý doanh nghiệp:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận)

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Chỗ ở hiện tại: .....

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- .....;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-2**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động  
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ ghi nếu doanh nghiệp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**Thông tin thay đổi của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:**

*Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh/địa điểm kinh doanh (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):*

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-----------|----------|------------------------------|
|     |           |          |                              |

**Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

.....

**Thông tin đăng ký thuế:** (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp thuận):

| STT           | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                                                |               |                        |       |       |       |       |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 1             | Địa chỉ nhận thông báo thuế: .....<br>Điện thoại: .....Fax: .....<br>Email: .....                                                                                                                                                                                  |               |                        |       |       |       |       |
| 2             | Hình thức hạch toán: (Hạch toán độc lập/Hạch toán phụ thuộc) .....                                                                                                                                                                                                 |               |                        |       |       |       |       |
| 3             | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../..... đến ngày ...../.....<br>(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)                                                                                                                                        |               |                        |       |       |       |       |
| 4             | Tổng số lao động (dự kiến): .....                                                                                                                                                                                                                                  |               |                        |       |       |       |       |
| 5             | Phương pháp tính thuế GTGT (Khấu trừ; Trực tiếp trên GTGT; Trực tiếp trên doanh số; Không phải nộp thuế GTGT): .....                                                                                                                                               |               |                        |       |       |       |       |
| 6             | Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th><th>Số tài khoản ngân hàng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table> | Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                             |               |                        |       |       |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                                              |               |                        |       |       |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                                              |               |                        |       |       |       |       |

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-3**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về cơ quan thuế quản lý**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh xin thông báo cho doanh nghiệp biết thông tin về cơ quan thuế quản lý như sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị: .....

Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai, nộp thuế theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục V-4**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ mã số: .....đã nhận ngày ..... tháng ....năm ...

của Ông/Bà: .....

về việc: .....

Phòng Đăng ký kinh doanh đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung  
trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

*Đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử thì ghi:*

Thời hạn để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp  
qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông  
báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được  
hồ sơ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ hủy hồ  
sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về  
đăng ký doanh nghiệp.

Ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung theo  
yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục V-5**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP.  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ các quy định  
của Luật Doanh nghiệp**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp,

Căn cứ.....

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về các nội dung sau:**

.....  
.....  
.....

Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo về các nội dung nêu trên trong thời hạn ..... ngày, kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo này.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo, Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được báo cáo thì doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục V-6**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/  
Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng  
nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận  
đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét lại hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà: .....  
là người đại diện theo pháp luật.

Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận  
đăng ký doanh nghiệp/ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh  
nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/  
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh chưa chính xác so với nội dung  
hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Do vậy, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo này,  
Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ tiến hành cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh  
nghiệp/ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/ Giấy  
chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận  
đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế cho giấy tờ đã cấp có nội dung chưa chính  
xác so với nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục V-7**

**SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP: ...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp,  
tình trạng hoạt động doanh nghiệp**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

Căn cứ quy định tại Khoản 12 Điều 3 và Khoản 5 Điều 30 của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp về sự đầy đủ và chính xác của các thông tin đăng ký doanh nghiệp,

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Đề nghị doanh nghiệp rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp đã đăng ký như sau:

| Thông tin đăng ký kinh doanh        | Thông tin đăng ký thuế              |
|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Đối với doanh nghiệp:<br>.....   | 1. Đối với doanh nghiệp:<br>.....   |
| 2. Các chi nhánh:<br>.....          | 2. Các chi nhánh:<br>.....          |
| 3. Các văn phòng đại diện:<br>..... | 3. Các văn phòng đại diện:<br>..... |

Sau khi rà soát, đề nghị Quý doanh nghiệp gửi Thông báo phản hồi theo mẫu quy định tại Phụ lục II-15 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-

BKHĐT tới Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo này.

Trường hợp doanh nghiệp phản hồi thông tin đăng ký doanh nghiệp là đầy đủ, chính xác, đề nghị Quý doanh nghiệp đánh dấu vào Mục I - Thông báo phản hồi thông tin đăng ký, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp phản hồi thông tin đăng ký doanh nghiệp còn thiếu, đề nghị Quý doanh nghiệp cập nhật thông tin tại Mục II - Thông báo phản hồi thông tin đăng ký, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp phản hồi thông tin đăng ký doanh nghiệp chưa thống nhất giữa nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc khác so với thông tin hiện tại của doanh nghiệp đã thay đổi nhưng doanh nghiệp chưa đăng ký, đề nghị Quý doanh nghiệp cập nhật thông tin tại Mục III - Thông báo phản hồi thông tin đăng ký, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp và đồng thời thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 31, 32 Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh gửi Thông báo rà soát.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh/thành phố;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-8**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh  
ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của  
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của  
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số .....

Căn cứ .....

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Yêu cầu (tên doanh nghiệp): .....

..... tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề

.....

Doanh nghiệp chỉ được tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh  
nêu trên khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- (Cơ quan quản lý chuyên ngành);
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-9**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ ghi nếu doanh nghiệp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày..... tháng ..... năm ..... đến ngày..... tháng ..... năm.....

Lý do tạm ngừng: .....

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

**Phụ lục V-10**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh  
đăng ký tạm ngừng hoạt động**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ ghi nếu doanh nghiệp không  
có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày..... tháng ..... năm ..... đến  
ngày..... tháng..... năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm  
kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in  
hoa*): .....

Mã số: .....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ ghi trong trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt  
động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh chủ quản: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Lý do tạm ngừng: .....

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-11**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh  
đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

*1. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn  
thì ghi:*

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ ghi nếu doanh nghiệp không  
có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

- Nếu doanh nghiệp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn cho doanh  
nghiệp và tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của  
doanh nghiệp thì ghi: Doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện,  
địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời  
hạn từ ngày..... tháng ..... năm .....

- Nếu doanh nghiệp không đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn cho  
tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp  
thì ghi: Đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn từ ngày.... tháng .... năm .....

Lý do:.....

*2. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký cho chi nhánh, văn phòng đại diện,  
địa điểm kinh doanh tiếp tục hoạt động trước thời hạn thì ghi:*

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ ghi nếu doanh nghiệp không  
có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Đăng ký tiếp tục hoạt động trước thời hạn từ ngày..... tháng ..... năm  
..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in  
hoa*): .....

Mã số: .....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ ghi trong trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt  
động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh chủ quản: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Lý do:.....

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-12**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh  
đăng ký tiếp tục hoạt động trước thời hạn**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ ghi nếu doanh nghiệp không  
có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Đăng ký tiếp tục hoạt động trước thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đối  
với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in  
hoa*): .....

Mã số: .....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ ghi trong trường hợp địa điểm kinh doanh tiếp  
tục hoạt động trước thời hạn*):

Tên chi nhánh chủ quản: .....

Mã số chi nhánh: .....

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-13**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ ghi nếu doanh nghiệp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Được cho thuê với các nội dung sau:

**1. Chủ doanh nghiệp tư nhân**

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**2. Người thuê doanh nghiệp tư nhân**

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Trong thời hạn cho thuê, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-14**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Ý kiến về việc công ty cổ phần chào bán cổ phần riêng lẻ**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ông/Bà ..... là người đại diện theo pháp luật của Quý Công ty, Phòng Đăng ký kinh doanh có ý kiến như sau:

.....

.....

.....

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo để Quý Công ty được biết.<sup>1</sup>

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....;

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

<sup>1</sup> **Lưu ý:**

- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư năm 2014 trước khi đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua cổ phần.

- Doanh nghiệp, cổ đông góp vốn tại doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có cổ đông góp vốn thuộc vốn nhà nước

**Phụ lục V-15**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/  
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/  
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy  
chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc .....

- .....

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo nội dung vi phạm của doanh nghiệp  
như sau: .....

*Nội dung phần cuối của Thông báo vi phạm được ghi tương ứng với từng  
loại vi phạm như sau:*

*1. Đối với các trường hợp doanh nghiệp vi phạm Khoản 1 Điều 63 - hồ sơ  
đăng ký thành lập mới là giả mạo; Điểm a Khoản 2 Điều 63 Nghị định số  
78/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 20 Điều 1 Nghị định số  
108/2018/NĐ-CP) thì ghi:*

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo để doanh nghiệp được biết và sẽ  
ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Đối với trường hợp doanh nghiệp vi phạm Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP) - hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo thì ghi:

Sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký Thông báo này mà không nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra Quyết định hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp mới trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất.

3. Đối với trường hợp doanh nghiệp vi phạm Điểm b Khoản 2 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP) thì ghi:

Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp phải thay đổi thành viên hoặc cổ đông thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp nêu trên trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Sau thời hạn trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc cổ đông thì Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra Thông báo về hành vi vi phạm và Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Đối với trường hợp doanh nghiệp vi phạm Khoản 3 Điều 60, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP) thì ghi:

Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình trong thời hạn ... ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong Thông báo này mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Hải quan ..... (tỉnh, thành phố nơi DN đặt trụ sở chính);
- Cục Quản lý thị trường ..... (tỉnh, thành phố nơi DN đặt trụ sở chính);
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục V-16**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP.... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP nêu trên;

Căn cứ Thông báo số .....

Căn cứ .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp lần đầu: Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp đăng ký thay đổi lần thứ ....: ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*): Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Do<sup>1</sup>:

- Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh: .....

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện: .....

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

**Điều 2:** Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục giải thể theo quy định.

**Điều 3:** Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ...../...../.....

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi GCNĐKDN;
- Cục Hải quan ..... (tỉnh, thành phố nơi DN đặt trụ sở chính);
- Cục Quản lý thị trường ..... (tỉnh, thành phố nơi DN đặt trụ sở chính);
- Các Phòng Đăng ký kinh doanh;
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**Phụ lục V-17**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP.... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ .....

Trên cơ sở đề nghị của ..... (tên cơ quan quản lý thuế) tại Văn bản số .... ngày .... về việc ..... (chỉ ghi trong trường hợp hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 64 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ..... ngày ... tháng ... năm .... của Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố ..... đối với doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Do<sup>1</sup>:

- Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh: .....

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện: .....

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ thông báo cho doanh nghiệp về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi GCNĐKDN;
- Cục Thuế ..... (tỉnh, thành phố nơi DN đặt trụ sở chính);
- Cục Hải Quan ..... (tỉnh, thành phố nơi DN đặt trụ sở chính);
- Cục quản lý thị trường ..... (tỉnh, thành phố nơi DN đặt trụ sở chính);
- .....;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**Phụ lục V-18**

**SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP.... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/  
văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông báo số .....;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Là chi nhánh/ văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....  
 Tên chi nhánh chủ quản (*ghi bằng chữ in hoa*): .....  
 Mã số chi nhánh/Mã số thuế: .....  
 Địa chỉ chi nhánh: .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 Do Ông/Bà (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....  
 Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
 Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
 Chỗ ở hiện tại: .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 Email: ..... Website: .....  
 Là người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

**Điều 2:** (*Tên doanh nghiệp*) phải chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày...../...../.....(*Tên doanh nghiệp*).....có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi GCNĐKHĐ;
- Cục Hải quan ..... (*tỉnh, thành phố nơi đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện*);
- Cục quản lý thị trường ..... (*tỉnh, thành phố nơi đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện*);
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

**Phụ lục V-19**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP.. CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .....tháng .....năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp,  
thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông báo số .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hủy bỏ (các) lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi bị hủy bỏ:

1. Đăng ký thay đổi lần thứ .... (*đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*)

Thông báo thay đổi ngày (*đối với trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*)

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

Do<sup>1</sup>:

<sup>1</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

- Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....  
Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....  
Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Chỗ ở hiện tại: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
Email: ..... Website: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh: .....

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện: .....

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

2. Đăng ký thay đổi lần thứ (đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp) ....

Thông báo thay đổi (đối với trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp)

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Do<sup>2</sup>:

- Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh: .....

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện: .....

<sup>2</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

**Điều 2.** Khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần thứ .... (hoặc đăng ký lần đầu):

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Do<sup>3</sup>:

- Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh: .....

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện: .....

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ...../...../..... các Ông/Bà ...  
..... và ..... có trách nhiệm thi hành  
Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi  
GCNĐKDN;

- Cục Thuế ..... (tỉnh, thành phố nơi doanh  
nghiệp đặt trụ sở chính);

- Cục Hải quan ..... (tỉnh, thành phố nơi  
doanh nghiệp đặt trụ sở chính);

- Cục quản lý thị trường ..... (tỉnh, thành  
phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính);

- .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

<sup>3</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/  
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp) ....., mã số doanh nghiệp: ....., địa chỉ trụ sở chính: ....., do Ông/Bà<sup>1</sup>: ..... là người đại diện theo pháp luật như sau:

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):** .....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (chỉ ghi nếu không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện và mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cục Hải quan ... (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) (để biết);
- Cục Quản lý thị trường .... (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) (để biết);
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**Phụ lục V-21**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày... tháng... năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký giải thể**

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh, thành phố.....

Ngày ....../....../.... Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp ....., mã số ....., địa chỉ trụ sở chính: ....., do Ông/Bà<sup>1</sup>: .....là người đại diện theo pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu Quý Cục không có ý kiến khác.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố ... (để biết);
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**Phụ lục V-22**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày... tháng... năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại**

Phòng Đăng ký kinh doanh đã tiến hành cập nhật tình trạng pháp lý đối với doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Do<sup>1</sup>:

- Ông/Bà: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

là người đại diện theo pháp luật.

Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi cập nhật: *(giải thể hoặc chấm dứt tồn tại)* .....

1. Đối với trường hợp doanh nghiệp giải thể thì ghi:

Lý do giải thể: .....

2. Đối với trường hợp doanh nghiệp chấm dứt tồn tại thì ghi:

Lý do chấm dứt tồn tại: *(bị chia/bị hợp nhất/bị sáp nhập):*

.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố ... *(để biết)*;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

<sup>1</sup> Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Phụ lục V-23

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....  
Mã hồ sơ: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY BIÊN NHẬN**

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/  
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng thực cá nhân khác) số:

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

01 bộ hồ sơ số ..... về việc .....

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

*Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và có nhu cầu nhận Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thì ghi:*

Phòng Đăng ký kinh doanh hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... liên hệ với Phòng Đăng ký kinh doanh để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và không có nhu cầu nhận Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thì ghi:*

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện thì ghi:*

Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ đăng tải thông tin về mẫu con dấu của Quý Doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**NGƯỜI NỘP**  
(Ký và ghi họ tên)

**NGƯỜI NHẬN**  
(Ký, ghi họ tên)

**Phụ lục V-24**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY BIÊN NHẬN**

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày ....../....../.... đã nhận của Ông/Bà .....

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng thực cá nhân khác) số:

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

01 bộ hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử mã số: ..... về việc .....

Hồ sơ bao gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ thông báo cho Ông/Bà về kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà. Ngày dự kiến trả kết quả: ....../....../.....<sup>1</sup>

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

<sup>1</sup> Lưu ý: Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

# CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

(TÊN DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN)

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: .....

Tên doanh nghiệp viết tắt: .....

2. Mã số doanh nghiệp: .....

3. Ngày thành lập: .....

4. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

### 5. Ngành, nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-----------|----------|------------------------------|
|     |           |          |                              |
|     |           |          |                              |

### 6. Chủ doanh nghiệp

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch:.....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

7. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố .....

**(TÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN)**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: .....

Tên công ty viết tắt: .....

**2. Mã số doanh nghiệp:** .....

**3. Ngày thành lập:** .....

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**5. Ngành, nghề kinh doanh**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|-----------|----------|
|     |           |          |
|     |           |          |

**6. Vốn điều lệ:** .....,

**7. Thông tin về chủ sở hữu**

***Đối với chủ sở hữu là cá nhân:***

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ..... / ..... / ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..... / ..... / ..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

***Đối với chủ sở hữu là tổ chức:***

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: .....

Ngày cấp: ..... / ..... / ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

**8. Người đại diện theo pháp luật của công ty<sup>1</sup>:**

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố .....**

<sup>1</sup> Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**(TÊN CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN)**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: .....

Tên công ty viết tắt: .....

**2. Mã số doanh nghiệp:** .....

**3. Ngày thành lập:** .....

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**5. Ngành, nghề kinh doanh**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|-----------|----------|
|     |           |          |
|     |           |          |

**6. Vốn điều lệ:** .....

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị phần vốn góp<br>(VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                |                                                                                      |                                                                                          |           |                                                                                                                                                   |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật của công ty<sup>2</sup>:**

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

<sup>2</sup> Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố .....

**(TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN)**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: .....

Tên công ty viết tắt: .....

**2. Mã số doanh nghiệp:** .....

**3. Ngày thành lập:** .....

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**5. Ngành, nghề kinh doanh**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|-----------|----------|
|     |           |          |

**6. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):** .....

Mệnh giá cổ phần: .....

Tổng số cổ phần: .....

**7. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                                      |              |            |                                                                                  |           |                                                                                                                                                        |         |

### 8. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| S<br>T<br>T | Tên cổ<br>đồng | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại<br>cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị<br>cổ phần<br>(VNĐ<br>và giá<br>trị<br>tương<br>đương<br>theo<br>đơn vị<br>tiền<br>nước<br>ngoài,<br>nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu đối<br>với cá nhân; Mã<br>số doanh nghiệp<br>đối với doanh<br>nghiệp; Số Quyết<br>định thành lập đối<br>với tổ chức | Ghi<br>chú |
|-------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|             |                |                                                                                  |                    |               |                                                                                                                      |              |                                                                                                                                 |            |

### 9. Người đại diện theo pháp luật của công ty<sup>3</sup>:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

10. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố .....

<sup>3</sup> Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**(TÊN CÔNG TY HỢP DANH)**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: .....

Tên công ty viết tắt: .....

**2. Mã số doanh nghiệp:** .....

**3. Ngày thành lập:** .....

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**5. Ngành, nghề kinh doanh**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|-----------|----------|
|     |           |          |

**6. Vốn điều lệ:** .....

**7. Danh sách thành viên hợp danh:**

| STT | Tên thành viên hợp danh | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Quốc tịch | Giá trị phần vốn góp<br><i>(VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)</i> | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) |
|-----|-------------------------|--------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------|
|     |                         |                                |           |                                                                                                 |           |                                                 |

**8. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố .....

**Phụ lục V-26**

**CÔNG BỐ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

**1. Tên doanh nghiệp:** *(ghi thông tin mới nhất của doanh nghiệp)*

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: .....

Tên doanh nghiệp viết tắt: .....

**2. Mã số doanh nghiệp:** .....

**3. Nội dung thay đổi**

**Khôi thông tin cũ:**

.....  
.....

**Khôi thông tin mới:**

.....  
.....

**4. Ngày cấp đăng ký thay đổi:** .....

**8. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố .....

**Phụ lục V-27**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

*(Áp dụng trong các trường hợp các loại công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp khác ngoài các nội dung Phụ lục V-25, V-26 Thông tư này)*

**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH TỈNH/THÀNH PHỐ...  
THÔNG BÁO**

**1. Tên doanh nghiệp:**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: .....

Tên doanh nghiệp viết tắt: .....

**2. Mã số doanh nghiệp:** .....

**3. Ngày thành lập:** .....

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

.....

**5. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố .....

**6. Nội dung thông báo:**

.....

.....

**Phụ lục V-28**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày... tháng... năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong  
Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số .... ngày .... tháng .... năm .... về việc hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Do<sup>1</sup>:

- Ông/Bà: (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

<sup>1</sup> Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi khôi phục: đang hoạt động.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cục Thuế..... (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính);
- Cục Hải quan ..... (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính);
- Cục quản lý thị trường ..... (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính);
- Các Phòng Đăng ký kinh doanh;
- .....;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Số: ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**V/v hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đã hợp lệ**  
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử  
bằng Tài khoản đăng ký kinh doanh)

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp dự kiến)

Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: .....

Fax: .....

Email: .....

Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử của doanh nghiệp, số biên nhận: ..... đã nhận ngày .../.../... về việc .....,

**1. Đối với hồ sơ thông báo mẫu con dấu thì ghi:**

Phòng Đăng ký kinh doanh đã đăng tải thông tin về mẫu con dấu của Quý Doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**2. Đối với hồ sơ đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo thì ghi:**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Nghị định số 108/2018/NĐ-CP, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử của doanh nghiệp đã hợp lệ.

Đề nghị doanh nghiệp nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy<sup>1</sup> kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và Thông báo này đến Phòng Đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo để được xem xét cấp Giấy xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử. Trường hợp bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP).

Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo này mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

**3. Đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp khác thì ghi:**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Nghị định số 108/2018/NĐ-CP, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử của doanh nghiệp đã hợp lệ.

Đề nghị doanh nghiệp nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy<sup>2</sup> kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và Thông báo này đến Phòng Đăng ký kinh doanh để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp.

Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo này mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: .....<sup>3</sup>

**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử. Trường hợp bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP).

<sup>3</sup> Tên cán bộ xử lý hồ sơ.

**Hướng dẫn:** Doanh nghiệp in 02 bản Thông báo này để nộp kèm hồ sơ bằng bản giấy và Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử (trong đó, 01 bản lưu Bộ phận Một cửa; 01 bản trả lại doanh nghiệp thay giấy hẹn).

**Phần thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh ghi khi doanh nghiệp nộp hồ sơ bản giấy**

1) Ngày nộp hồ sơ: ...../...../.....

2) Hồ sơ bao gồm:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

3) Ý kiến của Phòng Đăng ký kinh doanh:

- ☐ Hồ sơ bằng bản giấy thống nhất với hồ sơ điện tử
- ☐ Hồ sơ bằng bản giấy không thống nhất với hồ sơ điện tử

**Cán bộ tiếp nhận**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người nhận kết quả**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lưu ý:**

- Trường hợp bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định.

- Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo này mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

Phụ lục VI-1

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
HỘ KINH DOANH**

Số: .....

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ: ....., ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa): .....

2. Địa điểm kinh doanh: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

3. Ngành, nghề kinh doanh: .....

4. Vốn kinh doanh: .....

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (ghi một trong các chủ thể sau): Cá nhân/ Nhóm cá nhân/ Hộ gia đình

6. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

7. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh (chỉ ghi trong trường hợp nhóm cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh)

| STT | Tên thành viên | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Giá trị phần vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------|--------------------------------|----------------------------|-----------|-------------------------------------------------|---------|
|     |                |                |                                |                            |           |                                                 |         |

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục VI-2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...**  
**PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Phòng Tài chính - Kế hoạch: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

.....

Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung

trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung theo

yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục VI-3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi  
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: (Tên hộ kinh doanh)

Địa chỉ

Phòng Tài chính - Kế hoạch: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Căn cứ kết luận/biên bản làm việc số ..... của .....  
ngày ...../...../..... về việc: .....

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo nội dung vi phạm của hộ kinh  
doanh .....  
như sau: .....

*Nội dung phần cuối của Thông báo vi phạm được ghi tương ứng với từng  
loại vi phạm như sau:*

*1. Đối với trường hợp hộ kinh doanh vi phạm điểm b, c, e Khoản 1 Điều  
78 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ghi:*

Phòng Tài chính - Kế hoạch yêu cầu đại diện hộ kinh doanh đến Phòng  
Tài chính - Kế hoạch để giải trình trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra  
Thông báo này. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu  
trên mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp  
thì Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng  
nhận đăng ký hộ kinh doanh.

*2. Đối với trường hợp hộ kinh doanh vi phạm điểm d Khoản 1 Điều 78;  
Khoản 2 Điều 78 - hồ sơ đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh là giả mạo; điểm  
a Khoản 5 Điều 78 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ghi:*

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo để hộ kinh doanh được biết và sẽ  
ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của hộ  
kinh doanh.

3. Đối với trường hợp hộ kinh doanh vi phạm Khoản 2 Điều 78 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP - hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo thì ghi:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này, nếu không nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi của hộ kinh doanh, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ ra Quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất.

4. Đối với trường hợp hộ kinh doanh vi phạm điểm b Khoản 5 Điều 78 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ghi:

Phòng Tài chính - Kế hoạch yêu cầu hộ kinh doanh phải thay đổi cá nhân thuộc đối tượng không được quyền thành lập hộ kinh doanh nêu trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi cá nhân vi phạm thì Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chi cục thuế .....
- Cơ quan quản lý thị trường cấp huyện;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục VI-4**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...**  
**PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

**TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số .....

Căn cứ .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh sau:

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa điểm kinh doanh: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Do Ông/Bà (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Là người đại diện hộ kinh doanh.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ...../...../.....các Ông/Bà.

..... và .....  
có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh của  
hộ kinh doanh bị thu hồi GCNĐKHKD;
- Chi cục thuế quận, huyện nơi hộ kinh  
doanh đăng ký địa điểm kinh doanh;
- Cơ quan quản lý thị trường quận,  
huyện;
- .....;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục VI-5**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...**  
**PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY BIÊN NHẬN**  
**Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh**

Phòng Tài chính - Kế hoạch: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng thực cá nhân khác) số: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

là .....

01 bộ hồ sơ số ..... về việc .....

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

Phòng Tài chính - Kế hoạch hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... liên hệ với  
Phòng Tài chính - Kế hoạch để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NGƯỜI NỘP**  
(Ký và ghi họ tên)

**NGƯỜI NHẬN**  
(Ký, ghi họ tên)

**Phụ lục VI-6**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh  
ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Địa chỉ: *(Địa điểm kinh doanh)*

Mã số: *(Mã số hộ kinh doanh/Số Giấy chứng nhận đăng  
ký hộ kinh doanh)*

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của  
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số .....

Căn cứ .....

Phòng Tài chính - Kế hoạch: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Yêu cầu *(tên hộ kinh doanh)*: .....

..... tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề

.....

Hộ kinh doanh chỉ được tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh nêu  
trên khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục VI-7**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh**

Phòng Tài chính - Kế hoạch: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**Xác nhận:**

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: .....

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày.... tháng .... năm..... đến  
ngày.... tháng .... năm.....

Lý do tạm ngừng: .....

.....  
.....

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ hộ kinh doanh;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục VI-8**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ cấp lại  
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Phòng Tài chính - Kế hoạch: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số....cấp ngày.../.../...tại  
Phòng Tài chính - Kế hoạch..., để có cơ sở cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ  
kinh doanh đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, đề nghị hộ kinh doanh  
hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh gồm các nội dung như sau:

.....  
.....  
.....

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo này, hộ kinh doanh nộp  
hồ sơ hợp lệ theo các nội dung nêu trên đến Phòng Tài chính - Kế hoạch.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục VI-9**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh  
do chuyển địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch (Ủy ban nhân dân quận/huyện .....)  
(nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ cũ)

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, trên cơ sở Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh ngày...tháng...năm..... của hộ kinh doanh sau:

**1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):** .....

**2. Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh :** .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**3. Địa điểm kinh doanh:** .....

**4. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):** .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: .....Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Ngày ...../...../....., Phòng Tài chính - Kế hoạch (Ủy ban nhân dân quận/huyện ..... ) (nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ mới) đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... cho hộ kinh doanh nêu trên.

Lý do: Hộ kinh doanh đăng ký chuyển địa chỉ hộ kinh doanh.

Địa điểm kinh doanh mới: .....

Kính gửi Quý Phòng để biết.

**Nơi nhận:**

- Như trên (sao kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh);

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

## Phụ lục VII-1

### DANH MỤC CHỮ CÁI VÀ KÝ HIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP/ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CỦA DOANH NGHIỆP/ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH/ HỘ KINH DOANH

#### 1. Danh mục chữ cái

| Chữ in hoa | Chữ in thường | Chữ in hoa | Chữ in thường |
|------------|---------------|------------|---------------|
| A          | a             | N          | n             |
| Ă          | ă             | O          | o             |
| Â          | â             | Ơ          | ơ             |
| B          | b             | Ô          | ô             |
| C          | c             | P          | p             |
| D          | d             | Q          | q             |
| Đ          | đ             | R          | r             |
| E          | e             | S          | s             |
| Ê          | ê             | T          | t             |
| F          | f             | U          | u             |
| G          | g             | Ư          | ư             |
| H          | h             | V          | v             |
| I          | i             | W          | w             |
| J          | j             | X          | x             |
| K          | k             | Y          | y             |
| L          | l             | Z          | z             |
| M          | m             |            |               |

#### 2. Danh mục ký hiệu

|   |   |   |
|---|---|---|
| % | & | , |
| ( | ) | . |
| - | + | : |
| \ | / | ; |
| “ | ” | ‘ |
| ’ | * |   |

**Phụ lục VII-2**

**MÃ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

| Đơn vị hành chính                                        | Mã        |     | Đơn vị hành chính                               | Mã        |     |
|----------------------------------------------------------|-----------|-----|-------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                          | Số        | Chữ |                                                 | Số        | Chữ |
| 1                                                        | 2         | 3   | 1                                               | 2         | 3   |
| <b>Thành phố Hà Nội</b><br>(12 quận, 1 thị xã, 17 huyện) | <b>01</b> |     | <b>Thành phố Hải Phòng</b><br>(7 quận, 8 huyện) | <b>02</b> |     |
| Quận Ba Đình                                             | 01        | A   | Quận Hồng Bàng                                  | 02        | A   |
| Quận Tây Hồ                                              | 01        | B   | Quận Ngô Quyền                                  | 02        | B   |
| Quận Hoàn Kiếm                                           | 01        | C   | Quận Lê Chân                                    | 02        | C   |
| Quận Hai Bà Trưng                                        | 01        | D   | Quận Kiến An                                    | 02        | D   |
| Quận Đống Đa                                             | 01        | E   | Quận Đồ Sơn                                     | 02        | E   |
| Quận Thanh Xuân                                          | 01        | F   | Huyện Thủy Nguyên                               | 02        | F   |
| Quận Cầu Giấy                                            | 01        | G   | Huyện An Dương                                  | 02        | G   |
| Huyện Sóc Sơn                                            | 01        | H   | Huyện An Lão                                    | 02        | H   |
| Huyện Đông Anh                                           | 01        | I   | Huyện Kiến Thụy                                 | 02        | I   |
| Huyện Gia Lâm                                            | 01        | J   | Huyện Tiên Lãng                                 | 02        | J   |
| Quận Nam Từ Liêm                                         | 01        | K   | Huyện Vĩnh Bảo                                  | 02        | K   |
| Huyện Thanh Trì                                          | 01        | L   | Huyện Cát Hải                                   | 02        | L   |
| Quận Hoàng Mai                                           | 01        | M   | Huyện Bạch Long Vĩ                              | 02        | M   |
| Quận Long Biên                                           | 01        | N   | Quận Dương Kinh                                 | 02        | N   |
| Quận Hà Đông                                             | 01        | O   | Quận Hải An                                     | 02        | O   |
| Thị xã Sơn Tây                                           | 01        | P   | <b>Tỉnh Hải Dương</b>                           | <b>04</b> |     |
| Huyện Ba Vì                                              | 01        | Q   | (1 thành phố, 1 thị xã,<br>10 huyện)            |           |     |
| Huyện Phúc Thọ                                           | 01        | R   | Thành phố Hải Dương                             | 04        | A   |
| Huyện Đan Phượng                                         | 01        | S   | Thị xã Chí Linh                                 | 04        | B   |
| Huyện Thạch Thất                                         | 01        | T   | Huyện Nam Sách                                  | 04        | C   |
| Huyện Hoài Đức                                           | 01        | U   | Huyện Thanh Hà                                  | 04        | D   |
| Huyện Quốc Oai                                           | 01        | V   | Huyện Kinh Môn                                  | 04        | E   |
| Huyện Chương Mỹ                                          | 01        | W   | Huyện Kim Thành                                 | 04        | F   |
| Huyện Thanh Oai                                          | 01        | X   | Huyện Gia Lộc                                   | 04        | G   |
| Huyện Thường Tín                                         | 01        | Y   | Huyện Tứ Kỳ                                     | 04        | H   |
| Huyện Mỹ Đức                                             | 01        | Z   | Huyện Cẩm Giàng                                 | 04        | I   |
| Huyện Ứng Hòa                                            | 01        | a   | Huyện Bình Giang                                | 04        | J   |
| Huyện Phú Xuyên                                          | 01        | b   | Huyện Thanh Miện                                | 04        | K   |
| Huyện Mê Linh                                            | 01        | c   | Huyện Ninh Giang                                | 04        | L   |
| Quận Bắc Từ Liêm                                         | 01        | d   |                                                 |           |     |

| Đơn vị hành chính                               | Mã        |     | Đơn vị hành chính                               | Mã        |     |
|-------------------------------------------------|-----------|-----|-------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                 | Số        | Chữ |                                                 | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Hưng Yên</b><br>(1 thành phố, 9 huyện)  | <b>05</b> |     | <b>Tỉnh Hà Nam</b><br>(1 thành phố, 5 huyện)    | <b>06</b> |     |
| Thành phố Hưng Yên                              | 05        | A   | Thành phố Phủ Lý                                | 06        | A   |
| Huyện Văn Lâm                                   | 05        | B   | Huyện Duy Tiên                                  | 06        | B   |
| Huyện Mỹ Hào                                    | 05        | C   | Huyện Kim Bảng                                  | 06        | C   |
| Huyện Yên Mỹ                                    | 05        | D   | Huyện Lý Nhân                                   | 06        | D   |
| Huyện Văn Giang                                 | 05        | E   | Huyện Thanh Liêm                                | 06        | E   |
| Huyện Khoái Châu                                | 05        | F   | Huyện Bình Lục                                  | 06        | F   |
| Huyện Ân Thi                                    | 05        | G   |                                                 |           |     |
| Huyện Kim Động                                  | 05        | H   |                                                 |           |     |
| Huyện Phù Cừ                                    | 05        | I   |                                                 |           |     |
| Huyện Tiên Lữ                                   | 05        | J   |                                                 |           |     |
| <b>Tỉnh Nam Định</b><br>(1 thành phố, 9 huyện)  | <b>07</b> |     | <b>Tỉnh Thái Bình</b><br>(1 thành phố, 7 huyện) | <b>08</b> |     |
| Thành phố Nam Định                              | 07        | A   | Thành phố Thái Bình                             | 08        | A   |
| Huyện Vụ Bản                                    | 07        | B   | Huyện Quỳnh Phụ                                 | 08        | B   |
| Huyện Mỹ Lộc                                    | 07        | C   | Huyện Hưng Hà                                   | 08        | C   |
| Huyện Ý Yên                                     | 07        | D   | Huyện Thái Thụy                                 | 08        | D   |
| Huyện Nam Trực                                  | 07        | E   | Huyện Đông Hưng                                 | 08        | E   |
| Huyện Trực Ninh                                 | 07        | F   | Huyện Vũ Thư                                    | 08        | F   |
| Huyện Xuân Trường                               | 07        | G   | Huyện Kiến Xương                                | 08        | G   |
| Huyện Giao Thủy                                 | 07        | H   | Huyện Tiền Hải                                  | 08        | H   |
| Huyện Nghĩa Hưng                                | 07        | I   |                                                 |           |     |
| Huyện Hải Hậu                                   | 07        | J   |                                                 |           |     |
| <b>Tỉnh Ninh Bình</b><br>(2 thành phố, 6 huyện) | <b>09</b> |     | <b>Tỉnh Hà Giang</b><br>(1 thành phố, 10 huyện) | <b>10</b> |     |
| Thành phố Ninh Bình                             | 09        | A   | Thành phố Hà Giang                              | 10        | A   |
| Thành phố Tam Điệp                              | 09        | B   | Huyện Đồng Văn                                  | 10        | B   |
| Huyện Nho Quan                                  | 09        | C   | Huyện Mèo Vạc                                   | 10        | C   |
| Huyện Gia Viễn                                  | 09        | D   | Huyện Yên Minh                                  | 10        | D   |
| Huyện Hoa Lư                                    | 09        | E   | Huyện Quản Bạ                                   | 10        | E   |
| Huyện Yên Mô                                    | 09        | F   | Huyện Bắc Mê                                    | 10        | F   |
| Huyện Yên Khánh                                 | 09        | G   | Huyện Hoàng Su Phì                              | 10        | G   |
| Huyện Kim Sơn                                   | 09        | H   | Huyện Vị Xuyên                                  | 10        | H   |
|                                                 |           |     | Huyện Xín Mần                                   | 10        | I   |
|                                                 |           |     | Huyện Bắc Quang                                 | 10        | J   |
|                                                 |           |     | Huyện Quang Bình                                | 10        | K   |

| Đơn vị hành chính                                 | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                       | Mã        |     |
|---------------------------------------------------|-----------|-----|---------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                   | Số        | Chữ |                                                         | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Cao Bằng</b><br>(1 thành phố, 12 huyện)   | <b>11</b> |     | <b>Tỉnh Lào Cai</b><br>(1 thành phố, 8 huyện)           | <b>12</b> |     |
| Thành phố Cao Bằng                                | 11        | A   | Thành phố Lào Cai                                       | 12        | A   |
| Huyện Bảo Lạc                                     | 11        | B   | Huyện Mường Khương                                      | 12        | C   |
| Huyện Bảo Lâm                                     | 11        | C   | Huyện Bát Xát                                           | 12        | D   |
| Huyện Hà Quảng                                    | 11        | D   | Huyện Si Ma Cai                                         | 12        | E   |
| Huyện Thông Nông                                  | 11        | E   | Huyện Bắc Hà                                            | 12        | F   |
| Huyện Trà Lĩnh                                    | 11        | F   | Huyện Bảo Thắng                                         | 12        | G   |
| Huyện Trùng Khánh                                 | 11        | G   | Huyện Sa Pa                                             | 12        | H   |
| Huyện Nguyên Bình                                 | 11        | H   | Huyện Bảo Yên                                           | 12        | I   |
| Huyện Hòa An                                      | 11        | I   | Huyện Văn Bàn                                           | 12        | K   |
| Huyện Quảng Uyên                                  | 11        | J   |                                                         |           |     |
| Huyện Hạ Lang                                     | 11        | K   |                                                         |           |     |
| Huyện Thạch An                                    | 11        | L   |                                                         |           |     |
| Huyện Phục Hòa                                    | 11        | M   |                                                         |           |     |
| <b>Tỉnh Bắc Kạn</b><br>(1 thành phố, 7 huyện)     | <b>13</b> |     | <b>Tỉnh Lạng Sơn</b><br>(1 thành phố, 10 huyện)         | <b>14</b> |     |
| Thành phố Bắc Kạn                                 | 13        | A   | Thành phố Lạng Sơn                                      | 14        | A   |
| Huyện Ba Bể                                       | 13        | B   | Huyện Tràng Định                                        | 14        | B   |
| Huyện Ngân Sơn                                    | 13        | C   | Huyện Văn Lãng                                          | 14        | C   |
| Huyện Chợ Đồn                                     | 13        | D   | Huyện Bình Gia                                          | 14        | D   |
| Huyện Na Rì                                       | 13        | E   | Huyện Bắc Sơn                                           | 14        | E   |
| Huyện Bạch Thông                                  | 13        | F   | Huyện Văn Quan                                          | 14        | F   |
| Huyện Chợ Mới                                     | 13        | G   | Huyện Cao Lộc                                           | 14        | G   |
| Huyện Pắc Nặm                                     | 13        | H   | Huyện Lộc Bình                                          | 14        | H   |
|                                                   |           |     | Huyện Chi Lăng                                          | 14        | I   |
|                                                   |           |     | Huyện Đình Lập                                          | 14        | J   |
|                                                   |           |     | Huyện Hữu Lũng                                          | 14        | K   |
| <b>Tỉnh Tuyên Quang</b><br>(1 thành phố, 6 huyện) | <b>15</b> |     | <b>Tỉnh Yên Bái</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện) | <b>16</b> |     |
| Thành phố Tuyên Quang                             | 15        | A   | Thành phố Yên Bái                                       | 16        | A   |
| Huyện Na Hang                                     | 15        | B   | Thị xã Nghĩa Lộ                                         | 16        | B   |
| Huyện Chiêm Hóa                                   | 15        | C   | Huyện Lục Yên                                           | 16        | C   |
| Huyện Hàm Yên                                     | 15        | D   | Huyện Văn Yên                                           | 16        | D   |
| Huyện Yên Sơn                                     | 15        | E   | Huyện Mù Cang Chải                                      | 16        | E   |
| Huyện Sơn Dương                                   | 15        | F   | Huyện Trấn Yên                                          | 16        | F   |
| Huyện Lâm Bình                                    | 15        | G   | Huyện Yên Bình                                          | 16        | G   |
|                                                   |           |     | Huyện Văn Chấn                                          | 16        | H   |
|                                                   |           |     | Huyện Trạm Tấu                                          | 16        | I   |

| Đơn vị hành chính                                              | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                             | Mã        |     |
|----------------------------------------------------------------|-----------|-----|---------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                                | Số        | Chữ |                                                               | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Thái Nguyên</b><br>(2 thành phố, 1 thị xã,<br>6 huyện) | <b>17</b> |     | <b>Tỉnh Phú Thọ</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>11 huyện)   | <b>18</b> |     |
| Thành phố Thái Nguyên                                          | 17        | A   | Thành phố Việt Trì                                            | 18        | A   |
| Thành phố Sông Công                                            | 17        | B   | Thị xã Phú Thọ                                                | 18        | B   |
| Huyện Định Hóa                                                 | 17        | C   | Huyện Đoan Hùng                                               | 18        | C   |
| Huyện Võ Nhai                                                  | 17        | D   | Huyện Hạ Hòa                                                  | 18        | D   |
| Huyện Phú Lương                                                | 17        | E   | Huyện Thanh Ba                                                | 18        | E   |
| Huyện Đồng Hỷ                                                  | 17        | F   | Huyện Phù Ninh                                                | 18        | F   |
| Huyện Đại Từ                                                   | 17        | G   | Huyện Lâm Thao                                                | 18        | G   |
| Huyện Phú Bình                                                 | 17        | H   | Huyện Cẩm Khê                                                 | 18        | H   |
| Thị xã Phổ Yên                                                 | 17        | I   | Huyện Yên Lập                                                 | 18        | I   |
|                                                                |           |     | Huyện Tam Nông                                                | 18        | J   |
|                                                                |           |     | Huyện Thanh Thủy                                              | 18        | K   |
|                                                                |           |     | Huyện Thanh Sơn                                               | 18        | L   |
|                                                                |           |     | Huyện Tân Sơn                                                 | 18        | M   |
| <b>Tỉnh Vĩnh Phúc</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>7 huyện)   | <b>19</b> |     | <b>Tỉnh Bắc Giang</b><br>(1 thành phố, 9 huyện)               | <b>20</b> |     |
| Thành phố Vĩnh Yên                                             | 19        | A   | Thành phố Bắc Giang                                           | 20        | A   |
| Huyện Lập Thạch                                                | 19        | B   | Huyện Yên Thế                                                 | 20        | B   |
| Huyện Tam Dương                                                | 19        | C   | Huyện Tân Yên                                                 | 20        | C   |
| Huyện Bình Xuyên                                               | 19        | D   | Huyện Lục Ngạn                                                | 20        | D   |
| Huyện Vĩnh Tường                                               | 19        | E   | Huyện Hiệp Hòa                                                | 20        | E   |
| Huyện Yên Lạc                                                  | 19        | F   | Huyện Lạng Giang                                              | 20        | F   |
| Thị xã Phúc Yên                                                | 19        | H   | Huyện Sơn Động                                                | 20        | G   |
| Huyện Tam Đảo                                                  | 19        | I   | Huyện Lục Nam                                                 | 20        | H   |
| Huyện Sông Lô                                                  | 19        | J   | Huyện Việt Yên                                                | 20        | I   |
|                                                                |           |     | Huyện Yên Dũng                                                | 20        | J   |
| <b>Tỉnh Bắc Ninh</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>6 huyện)    | <b>21</b> |     | <b>Tỉnh Quảng Ninh</b><br>(4 thành phố, 2 thị xã,<br>8 huyện) | <b>22</b> |     |
| Thành phố Bắc Ninh                                             | 21        | A   | Thành phố Hạ Long                                             | 22        | A   |
| Huyện Yên Phong                                                | 21        | B   | Thành phố Cẩm Phá                                             | 22        | B   |
| Huyện Quế Võ                                                   | 21        | C   | Thành phố Uông Bí                                             | 22        | C   |
| Huyện Tiên Du                                                  | 21        | D   | Thành phố Móng Cái                                            | 22        | D   |
| Thị xã Từ Sơn                                                  | 21        | E   | Huyện Bình Liêu                                               | 22        | E   |
| Huyện Thuận Thành                                              | 21        | F   | Huyện Hải Hà                                                  | 22        | F   |
| Huyện Lương Tài                                                | 21        | G   | Huyện Đầm Hà                                                  | 22        | G   |
| Huyện Gia Bình                                                 | 21        | H   | Huyện Tiên Yên                                                | 22        | H   |
|                                                                |           |     | Huyện Ba Chẽ                                                  | 22        | I   |
|                                                                |           |     | Huyện Vân Đồn                                                 | 22        | J   |
|                                                                |           |     | Huyện Hoành Bồ                                                | 22        | K   |
|                                                                |           |     | Thị xã Đông Triều                                             | 22        | L   |
|                                                                |           |     | Huyện Cô Tô                                                   | 22        | M   |
|                                                                |           |     | Thị xã Quảng Yên                                              | 22        | N   |

| Đơn vị hành chính                               | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                             | Mã        |     |
|-------------------------------------------------|-----------|-----|---------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                 | Số        | Chữ |                                                               | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Lai Châu</b><br>(1 thành phố, 7 huyện)  | <b>23</b> |     | <b>Tỉnh Sơn La</b><br>(1 thành phố, 11 huyện)                 | <b>24</b> |     |
| Thành phố Lai Châu                              | 23        | A   | Thành phố Sơn La                                              | 24        | A   |
| Huyện Phong Thổ                                 | 23        | B   | Huyện Quỳnh Nhai                                              | 24        | B   |
| Huyện Mường Tè                                  | 23        | C   | Huyện Mường La                                                | 24        | C   |
| Huyện Sìn Hồ                                    | 23        | D   | Huyện Thuận Châu                                              | 24        | D   |
| Huyện Than Uyên                                 | 23        | E   | Huyện Bắc Yên                                                 | 24        | E   |
| Huyện Tam Đường                                 | 23        | F   | Huyện Phù Yên                                                 | 24        | F   |
| Huyện Tân Uyên                                  | 23        | G   | Huyện Mai Sơn                                                 | 24        | G   |
| Huyện Nậm Nhùn                                  | 23        | H   | Huyện Sông Mã                                                 | 24        | H   |
|                                                 |           |     | Huyện Yên Châu                                                | 24        | I   |
|                                                 |           |     | Huyện Mộc Châu                                                | 24        | J   |
|                                                 |           |     | Huyện Sốp Cộp                                                 | 24        | K   |
|                                                 |           |     | Huyện Vân Hồ                                                  | 24        | L   |
| <b>Tỉnh Hòa Bình</b><br>(1 thành phố, 10 huyện) | <b>25</b> |     | <b>Tỉnh Thanh Hóa</b><br>(1 thành phố, 2 thị xã,<br>24 huyện) | <b>26</b> |     |
| Thành phố Hòa Bình                              | 25        | A   | Thành phố Thanh Hóa                                           | 26        | A   |
| Huyện Đà Bắc                                    | 25        | B   | Thị xã Bỉm Sơn                                                | 26        | B   |
| Huyện Mai Châu                                  | 25        | C   | Thành phố Sầm Sơn                                             | 26        | C   |
| Huyện Kỳ Sơn                                    | 25        | D   | Huyện Mường Lát                                               | 26        | D   |
| Huyện Lương Sơn                                 | 25        | E   | Huyện Quan Hóa                                                | 26        | E   |
| Huyện Kim Bôi                                   | 25        | F   | Huyện Quan Sơn                                                | 26        | F   |
| Huyện Tân Lạc                                   | 25        | G   | Huyện Bá Thước                                                | 26        | G   |
| Huyện Lạc Sơn                                   | 25        | H   | Huyện Cẩm Thủy                                                | 26        | H   |
| Huyện Lạc Thủy                                  | 25        | I   | Huyện Lang Chánh                                              | 26        | I   |
| Huyện Yên Thủy                                  | 25        | J   | Huyện Thạch Thành                                             | 26        | J   |
| Huyện Cao Phong                                 | 25        | K   | Huyện Ngọc Lặc                                                | 26        | K   |
|                                                 |           |     | Huyện Thường Xuân                                             | 26        | L   |
|                                                 |           |     | Huyện Như Xuân                                                | 26        | M   |
|                                                 |           |     | Huyện Như Thanh                                               | 26        | N   |
|                                                 |           |     | Huyện Vĩnh Lộc                                                | 26        | O   |
|                                                 |           |     | Huyện Hà Trung                                                | 26        | P   |
|                                                 |           |     | Huyện Nga Sơn                                                 | 26        | Q   |
|                                                 |           |     | Huyện Yên Định                                                | 26        | R   |
|                                                 |           |     | Huyện Thọ Xuân                                                | 26        | S   |
|                                                 |           |     | Huyện Hậu Lộc                                                 | 26        | T   |
|                                                 |           |     | Huyện Thiệu Hóa                                               | 26        | U   |
|                                                 |           |     | Huyện Hoằng Hóa                                               | 26        | V   |
|                                                 |           |     | Huyện Đông Sơn                                                | 26        | W   |
|                                                 |           |     | Huyện Triệu Sơn                                               | 26        | X   |
|                                                 |           |     | Huyện Quảng Xương                                             | 26        | Y   |
|                                                 |           |     | Huyện Nông Cống                                               | 26        | Z   |
|                                                 |           |     | Huyện Tĩnh Gia                                                | 26        | a   |

| Đơn vị hành chính                                             | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                            | Mã        |     |
|---------------------------------------------------------------|-----------|-----|--------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                               | Số        | Chữ |                                                              | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Nghệ An</b><br>(1 thành phố, 3 thị xã,<br>17 huyện)   | <b>27</b> |     | <b>Tỉnh Hà Tĩnh</b><br>(1 thành phố, 2 thị xã,<br>10 huyện)  | <b>28</b> |     |
| Thành phố Vinh                                                | 27        | A   | Thành phố Hà Tĩnh                                            | 28        | A   |
| Thị xã Cửa Lò                                                 | 27        | B   | Thị xã Hồng Lĩnh                                             | 28        | B   |
| Huyện Quế Phong                                               | 27        | C   | Huyện Nghi Xuân                                              | 28        | C   |
| Huyện Quỳnh Châu                                              | 27        | D   | Huyện Đức Thọ                                                | 28        | D   |
| Huyện Kỳ Sơn                                                  | 27        | E   | Huyện Hương Sơn                                              | 28        | E   |
| Huyện Quỳnh Hợp                                               | 27        | F   | Huyện Vũ Quang                                               | 28        | F   |
| Huyện Nghĩa Đàn                                               | 27        | G   | Huyện Can Lộc                                                | 28        | G   |
| Huyện Tương Dương                                             | 27        | H   | Huyện Thạch Hà                                               | 28        | H   |
| Huyện Quỳnh Lưu                                               | 27        | I   | Huyện Cẩm Xuyên                                              | 28        | I   |
| Huyện Tân Kỳ                                                  | 27        | J   | Huyện Hương Khê                                              | 28        | J   |
| Huyện Con Cuông                                               | 27        | K   | Huyện Kỳ Anh                                                 | 28        | K   |
| Huyện Yên Thành                                               | 27        | L   | Huyện Lộc Hà                                                 | 28        | L   |
| Huyện Diễn Châu                                               | 27        | M   | Thị xã Kỳ Anh                                                | 28        | M   |
| Huyện Anh Sơn                                                 | 27        | N   |                                                              |           |     |
| Huyện Đô Lương                                                | 27        | O   |                                                              |           |     |
| Huyện Thanh Chương                                            | 27        | P   |                                                              |           |     |
| Huyện Nghi Lộc                                                | 27        | Q   |                                                              |           |     |
| Huyện Nam Đàn                                                 | 27        | R   |                                                              |           |     |
| Huyện Hưng Nguyên                                             | 27        | S   |                                                              |           |     |
| Thị xã Thái Hòa                                               | 27        | T   |                                                              |           |     |
| Thị xã Hoàng Mai                                              | 27        | U   |                                                              |           |     |
| <b>Tỉnh Quảng Bình</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>6 huyện) | <b>29</b> |     | <b>Tỉnh Quảng Trị</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>8 huyện) | <b>30</b> |     |
| Thành phố Đồng Hới                                            | 29        | A   | Thành phố Đông Hà                                            | 30        | A   |
| Huyện Tuyên Hóa                                               | 29        | B   | Thị xã Quảng Trị                                             | 30        | B   |
| Huyện Minh Hóa                                                | 29        | C   | Huyện Vĩnh Linh                                              | 30        | C   |
| Huyện Quảng Trạch                                             | 29        | D   | Huyện Gio Linh                                               | 30        | D   |
| Huyện Bố Trạch                                                | 29        | E   | Huyện Cam Lộ                                                 | 30        | E   |
| Huyện Quảng Ninh                                              | 29        | F   | Huyện Triệu Phong                                            | 30        | F   |
| Huyện Lệ Thủy                                                 | 29        | G   | Huyện Hải Lăng                                               | 30        | G   |
| Thị xã Ba Đồn                                                 | 29        | H   | Huyện Hướng Hóa                                              | 30        | H   |
|                                                               |           |     | Huyện ĐaKrông                                                | 30        | I   |
|                                                               |           |     | Huyện đảo Cồn Cỏ                                             | 30        | J   |

| Đơn vị hành chính                                                   | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                          | Mã        |     |
|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----|------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                                     | Số        | Chữ |                                                            | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Thừa Thiên - Huế</b><br>(1 thành phố, 2 thị xã,<br>6 huyện) | <b>31</b> |     | <b>Thành phố Đà Nẵng</b><br>(6 quận, 2 huyện)              | <b>32</b> |     |
| Thành phố Huế                                                       | 31        | A   | Quận Hải Châu                                              | 32        | A   |
| Huyện Phong Điền                                                    | 31        | B   | Quận Thanh Khê                                             | 32        | B   |
| Huyện Quảng Điền                                                    | 31        | C   | Quận Sơn Trà                                               | 32        | C   |
| Thị xã Hương Trà                                                    | 31        | D   | Quận Ngũ Hành Sơn                                          | 32        | D   |
| Huyện Phú Vang                                                      | 31        | E   | Quận Liên Chiểu                                            | 32        | E   |
| Thị xã Hương Thủy                                                   | 31        | F   | Huyện Hòa Vang                                             | 32        | F   |
| Huyện Phú Lộc                                                       | 31        | G   | Huyện đảo Hoàng Sa                                         | 32        | G   |
| Huyện A Lưới                                                        | 31        | H   | Quận Cẩm Lệ                                                | 32        | H   |
| Huyện Nam Đông                                                      | 31        | I   |                                                            |           |     |
| <b>Tỉnh Quảng Nam</b><br>(2 thành phố, 16 huyện)                    | <b>33</b> |     | <b>Tỉnh Quảng Ngãi</b><br>(1 thành phố, 13 huyện)          | <b>34</b> |     |
| Thành phố Tam Kỳ                                                    | 33        | A   | Thành phố Quảng Ngãi                                       | 34        | A   |
| Thành phố Hội An                                                    | 33        | B   | Huyện Lý Sơn                                               | 34        | B   |
| Huyện Đông Giang                                                    | 33        | C   | Huyện Bình Sơn                                             | 34        | C   |
| Huyện Đại Lộc                                                       | 33        | D   | Huyện Trà Bồng                                             | 34        | D   |
| Huyện Điện Bàn                                                      | 33        | E   | Huyện Sơn Tịnh                                             | 34        | E   |
| Huyện Duy Xuyên                                                     | 33        | F   | Huyện Sơn Tây                                              | 34        | F   |
| Huyện Nam Giang                                                     | 33        | G   | Huyện Sơn Hà                                               | 34        | G   |
| Huyện Thăng Bình                                                    | 33        | H   | Huyện Tư Nghĩa                                             | 34        | H   |
| Huyện Quế Sơn                                                       | 33        | I   | Huyện Nghĩa Hành                                           | 34        | I   |
| Huyện Hiệp Đức                                                      | 33        | J   | Huyện Minh Long                                            | 34        | J   |
| Huyện Tiên Phước                                                    | 33        | K   | Huyện Mộ Đức                                               | 34        | K   |
| Huyện Phước Sơn                                                     | 33        | L   | Huyện Đức Phổ                                              | 34        | L   |
| Huyện Núi Thành                                                     | 33        | M   | Huyện Ba Tơ                                                | 34        | M   |
| Huyện Bắc Trà My                                                    | 33        | N   | Huyện Tây Trà                                              | 34        | N   |
| Huyện Tây Giang                                                     | 33        | O   |                                                            |           |     |
| Huyện Nam Trà My                                                    | 33        | P   |                                                            |           |     |
| Huyện Phú Ninh                                                      | 33        | Q   |                                                            |           |     |
| Huyện Nông Sơn                                                      | 33        | R   |                                                            |           |     |
| <b>Tỉnh Bình Định</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>9 huyện)        | <b>35</b> |     | <b>Tỉnh Phú Yên</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>7 huyện) | <b>36</b> |     |
| Thành phố Quy Nhơn                                                  | 35        | A   | Thành phố Tuy Hòa                                          | 36        | A   |
| Huyện An Lão                                                        | 35        | B   | Huyện Đồng Xuân                                            | 36        | B   |
| Huyện Hoài Nhơn                                                     | 35        | C   | Thị xã Sông Cầu                                            | 36        | C   |
| Huyện Hoài Ân                                                       | 35        | D   | Huyện Tuy An                                               | 36        | D   |
| Huyện Phù Mỹ                                                        | 35        | E   | Huyện Sơn Hòa                                              | 36        | E   |
| Huyện Vĩnh Thạnh                                                    | 35        | F   | Huyện Tây Hòa                                              | 36        | F   |
| Huyện Phù Cát                                                       | 35        | G   | Huyện Sông Hinh                                            | 36        | G   |
| Huyện Tây Sơn                                                       | 35        | H   | Huyện Phú Hòa                                              | 36        | H   |
| Thị xã An Nhơn                                                      | 35        | I   | Huyện Đông Hòa                                             | 36        | I   |
| Huyện Tuy Phước                                                     | 35        | J   |                                                            |           |     |
| Huyện Vân Canh                                                      | 35        | K   |                                                            |           |     |

| Đơn vị hành chính                                            | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                           | Mã        |     |
|--------------------------------------------------------------|-----------|-----|-------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                              | Số        | Chữ |                                                             | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Khánh Hòa</b><br>(2 thành phố, 1 thị xã,<br>6 huyện) | <b>37</b> |     | <b>Tỉnh Kon Tum</b><br>(1 thành phố, 9 huyện)               | <b>38</b> |     |
| Thành phố Nha Trang                                          | 37        | A   | Thành phố Kon Tum                                           | 38        | A   |
| Thành phố Cam Ranh                                           | 37        | B   | Huyện Đắk Glei                                              | 38        | B   |
| Huyện Vạn Ninh                                               | 37        | C   | Huyện Ngọc Hồi                                              | 38        | C   |
| Thị xã Ninh Hòa                                              | 37        | D   | Huyện Đắk Tô                                                | 38        | D   |
| Huyện Diên Khánh                                             | 37        | E   | Huyện Kon Plông                                             | 38        | E   |
| Huyện Khánh Vĩnh                                             | 37        | F   | Huyện Đắk Hà                                                | 38        | F   |
| Huyện Khánh Sơn                                              | 37        | G   | Huyện Sa Thầy                                               | 38        | G   |
| Huyện Trường Sa                                              | 37        | H   | Huyện Kon Rẫy                                               | 38        | H   |
| Huyện Cam Lâm                                                | 37        | I   | Huyện Tu Mơ Rông                                            | 38        | I   |
|                                                              |           |     | Huyện Ia H'Drai                                             | 38        | J   |
| <b>Tỉnh Gia Lai</b><br>(1 thành phố, 2 thị xã,<br>14 huyện)  | <b>39</b> |     | <b>Tỉnh Đắk Lắk</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>13 huyện) | <b>40</b> |     |
| Thành phố Pleiku                                             | 39        | A   | Thành phố Buôn Ma Thuột                                     | 40        | A   |
| Huyện Kbang                                                  | 39        | B   | Huyện Ea H'leo                                              | 40        | B   |
| Huyện ĐắkĐoa                                                 | 39        | C   | Huyện Ea Súp                                                | 40        | C   |
| Huyện Mang Yang                                              | 39        | D   | Huyện Krông Năng                                            | 40        | D   |
| Huyện ChưPăh                                                 | 39        | E   | Huyện Krông Búk                                             | 40        | E   |
| Huyện IaGrai                                                 | 39        | F   | Huyện Buôn Đôn                                              | 40        | F   |
| Thị xã An Khê                                                | 39        | G   | Huyện Cư M'gar                                              | 40        | G   |
| Huyện KôngChro                                               | 39        | H   | Huyện Ea Kar                                                | 40        | H   |
| Huyện Đức Cơ                                                 | 39        | I   | Huyện M'Đrăk                                                | 40        | I   |
| Huyện ChưPrông                                               | 39        | J   | Huyện Krông Păk                                             | 40        | J   |
| Huyện Chư Sê                                                 | 39        | K   | Huyện Krông A Na                                            | 40        | L   |
| Thị xã AyunPa                                                | 39        | L   | Huyện Krông Bông                                            | 40        | M   |
| Huyện KrôngPa                                                | 39        | M   | Huyện Cư Kuin                                               | 40        | N   |
| Huyện IaPa                                                   | 39        | N   | Thị xã Buôn Hồ                                              | 40        | O   |
| Huyện ĐắkPơ                                                  | 39        | O   | Huyện Lắk                                                   | 40        | P   |
| Huyện Phú Thiện                                              | 39        | P   |                                                             |           |     |
| Huyện ChưPuh                                                 | 39        | R   |                                                             |           |     |

| Đơn vị hành chính                                | Mã        |     | Đơn vị hành chính                               | Mã        |     |
|--------------------------------------------------|-----------|-----|-------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                  | Số        | Chữ |                                                 | Số        | Chữ |
| <b>TP Hồ Chí Minh</b><br>(19 quận, 5 huyện)      | <b>41</b> |     | <b>Tỉnh Lâm Đồng</b><br>(2 thành phố, 10 huyện) | <b>42</b> |     |
| Quận 1                                           | 41        | A   | Thành phố Đà Lạt                                | 42        | A   |
| Quận 2                                           | 41        | B   | Thành phố Bảo Lộc                               | 42        | B   |
| Quận 3                                           | 41        | C   | Huyện Lạc Dương                                 | 42        | C   |
| Quận 4                                           | 41        | D   | Huyện Đơn Dương                                 | 42        | D   |
| Quận 5                                           | 41        | E   | Huyện Đức Trọng                                 | 42        | E   |
| Quận 6                                           | 41        | F   | Huyện Lâm Hà                                    | 42        | F   |
| Quận 7                                           | 41        | G   | Huyện Bảo Lâm                                   | 42        | G   |
| Quận 8                                           | 41        | H   | Huyện Di Linh                                   | 42        | H   |
| Quận 9                                           | 41        | I   | Huyện Đạ Huoai                                  | 42        | I   |
| Quận 10                                          | 41        | J   | Huyện Đạ Tẻh                                    | 42        | J   |
| Quận 11                                          | 41        | K   | Huyện Cát Tiên                                  | 42        | K   |
| Quận 12                                          | 41        | L   | Huyện Đam Rông                                  | 42        | L   |
| Quận Gò Vấp                                      | 41        | M   |                                                 |           |     |
| Quận Tân Bình                                    | 41        | N   |                                                 |           |     |
| Quận Bình Thạnh                                  | 41        | O   |                                                 |           |     |
| Quận Phú Nhuận                                   | 41        | P   |                                                 |           |     |
| Quận Thủ Đức                                     | 41        | Q   |                                                 |           |     |
| Huyện Củ Chi                                     | 41        | R   |                                                 |           |     |
| Huyện Hóc Môn                                    | 41        | S   |                                                 |           |     |
| Huyện Bình Chánh                                 | 41        | T   |                                                 |           |     |
| Huyện Nhà Bè                                     | 41        | U   |                                                 |           |     |
| Huyện Cần Giờ                                    | 41        | V   |                                                 |           |     |
| Quận Bình Tân                                    | 41        | W   |                                                 |           |     |
| Quận Tân Phú                                     | 41        | X   |                                                 |           |     |
| <b>Tỉnh Ninh Thuận</b><br>(1 thành phố, 6 huyện) | <b>43</b> |     | <b>Tỉnh Bình Phước</b><br>(3 thị xã, 8 huyện)   | <b>44</b> |     |
| Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm                  | 43        | A   | Thị xã Đồng Xoài                                | 44        | A   |
| Huyện Ninh Sơn                                   | 43        | B   | Huyện Đồng Phú                                  | 44        | B   |
| Huyện Bác Ái                                     | 43        | C   | Huyện Bù Gia Mập                                | 44        | C   |
| Huyện Ninh Hải                                   | 43        | D   | Huyện Lộc Ninh                                  | 44        | D   |
| Huyện Ninh Phước                                 | 43        | E   | Huyện Bù Đăng                                   | 44        | E   |
| Huyện Thuận Bắc                                  | 43        | F   | Huyện Hớn Quản                                  | 44        | F   |
| Huyện Thuận Nam                                  | 43        | G   | Thị xã Phước Long                               | 44        | G   |
|                                                  |           |     | Huyện Chơn Thành                                | 44        | H   |
|                                                  |           |     | Thị xã Bình Long                                | 44        | I   |
|                                                  |           |     | Huyện Bù Đốp                                    | 44        | J   |
|                                                  |           |     | Huyện Phú Riềng                                 | 44        | K   |

| Đơn vị hành chính                                           | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                             | Mã        |     |
|-------------------------------------------------------------|-----------|-----|---------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                             | Số        | Chữ |                                                               | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Tây Ninh</b><br>(1 thành phố, 8 huyện)              | <b>45</b> |     | <b>Tỉnh Bình Dương</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>7 huyện) | <b>46</b> |     |
| Thành phố Tây Ninh                                          | 45        | A   | Thành phố Thủ Dầu Một                                         | 46        | A   |
| Huyện Tân Biên                                              | 45        | B   | Huyện Dầu Tiếng                                               | 46        | B   |
| Huyện Tân Châu                                              | 45        | C   | Huyện Bến Cát                                                 | 46        | C   |
| Huyện Dương Minh Châu                                       | 45        | D   | Huyện Phú Giáo                                                | 46        | D   |
| Huyện Châu Thành                                            | 45        | E   | Huyện Tân Uyên                                                | 46        | E   |
| Huyện Hòa Thành                                             | 45        | F   | Huyện Thuận An                                                | 46        | F   |
| Huyện Bến Cầu                                               | 45        | G   | Thị xã Dĩ An                                                  | 46        | G   |
| Huyện Gò Dầu                                                | 45        | H   | Huyện Bàu Bàng                                                | 46        | H   |
| Huyện Trảng Bàng                                            | 45        | I   | Huyện Bắc Tân Uyên                                            | 46        | I   |
| <b>Tỉnh Đồng Nai</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>9 huyện) | <b>47</b> |     | <b>Tỉnh Bình Thuận</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>8 huyện) | <b>48</b> |     |
| Thành phố Biên Hòa                                          | 47        | A   | Thành phố Phan Thiết                                          | 48        | A   |
| Huyện Tân Phú                                               | 47        | B   | Huyện Tuy Phong                                               | 48        | B   |
| Huyện Định Quán                                             | 47        | C   | Huyện Bắc Bình                                                | 48        | C   |
| Huyện Vĩnh Cửu                                              | 47        | D   | Huyện Hàm Thuận Bắc                                           | 48        | D   |
| Huyện Thống Nhất                                            | 47        | E   | Huyện Hàm Thuận Nam                                           | 48        | E   |
| Thị xã Long Khánh                                           | 47        | F   | Huyện Tánh Linh                                               | 48        | F   |
| Huyện Xuân Lộc                                              | 47        | G   | Huyện Hàm Tân                                                 | 48        | G   |
| Huyện Long Thành                                            | 47        | H   | Huyện Đức Linh                                                | 48        | H   |
| Huyện Nhơn Trạch                                            | 47        | I   | Huyện Phú Quý                                                 | 48        | I   |
| Huyện Trảng Bom                                             | 47        | J   | Thị xã La-gi                                                  | 48        | J   |
| Huyện Cẩm Mỹ                                                | 47        | K   |                                                               |           |     |
| <b>Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</b><br>(2 thành phố, 6 huyện)     | <b>49</b> |     | <b>Tỉnh Long An</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>13 huyện)   | <b>50</b> |     |
| Thành phố Vũng Tàu                                          | 49        | A   | Thành phố Tân An                                              | 50        | A   |
| Thành phố Bà Rịa                                            | 49        | B   | Huyện Tân Hưng                                                | 50        | B   |
| Huyện Châu Đức                                              | 49        | C   | Huyện Vĩnh Hưng                                               | 50        | C   |
| Huyện Xuyên Mộc                                             | 49        | D   | Huyện Mộc Hóa                                                 | 50        | D   |
| Huyện Tân Thành                                             | 49        | E   | Huyện Tân Thạnh                                               | 50        | E   |
| Huyện Long Điền                                             | 49        | F   | Huyện Thạnh Hóa                                               | 50        | F   |
| Huyện Côn Đảo                                               | 49        | G   | Huyện Đức Huệ                                                 | 50        | G   |
| Huyện Đất Đỏ                                                | 49        | H   | Huyện Đức Hòa                                                 | 50        | H   |
|                                                             |           |     | Huyện Bến Lức                                                 | 50        | I   |
|                                                             |           |     | Huyện Thủ Thừa                                                | 50        | J   |
|                                                             |           |     | Huyện Châu Thành                                              | 50        | K   |
|                                                             |           |     | Huyện Tân Trụ                                                 | 50        | L   |
|                                                             |           |     | Huyện Cần Đước                                                | 50        | M   |
|                                                             |           |     | Huyện Cần Giuộc                                               | 50        | N   |
|                                                             |           |     | Thị xã Kiến Tường                                             | 50        | O   |

| Đơn vị hành chính                                             | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                            | Mã        |     |
|---------------------------------------------------------------|-----------|-----|--------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                               | Số        | Chữ |                                                              | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Đồng Tháp</b><br>(2 thành phố, 1 thị xã,<br>9 huyện)  | <b>51</b> |     | <b>Tỉnh An Giang</b><br>(2 thành phố, 1 thị xã,<br>8 huyện)  | <b>52</b> |     |
| Thành phố Cao Lãnh                                            | 51        | A   | Thành phố Long Xuyên                                         | 52        | A   |
| Thành phố Sa Đéc                                              | 51        | B   | Thành phố Châu Đốc                                           | 52        | B   |
| Huyện Tân Hồng                                                | 51        | C   | Huyện An Phú                                                 | 52        | C   |
| Huyện Hồng Ngự                                                | 51        | D   | Thị xã Tân Châu                                              | 52        | D   |
| Huyện Tam Nông                                                | 51        | E   | Huyện Phú Tân                                                | 52        | E   |
| Huyện Thanh Bình                                              | 51        | F   | Huyện Châu Phú                                               | 52        | F   |
| Huyện Tháp Mười                                               | 51        | G   | Huyện Tịnh Biên                                              | 52        | G   |
| Huyện Cao Lãnh                                                | 51        | H   | Huyện Tri Tôn                                                | 52        | H   |
| Huyện Lấp Vò                                                  | 51        | I   | Huyện Chợ Mới                                                | 52        | I   |
| Huyện Lai Vung                                                | 51        | J   | Huyện Châu Thành                                             | 52        | J   |
| Huyện Châu Thành                                              | 51        | K   | Huyện Thoại Sơn                                              | 52        | K   |
| Thị xã Hồng Ngự                                               | 51        | L   |                                                              |           |     |
| <b>Tỉnh Tiền Giang</b><br>(1 thành phố, 2 thị xã,<br>8 huyện) | <b>53</b> |     | <b>Tỉnh Vĩnh Long</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>6 huyện) | <b>54</b> |     |
| Thành phố Mỹ Tho                                              | 53        | A   | Thành phố Vĩnh Long                                          | 54        | A   |
| Thị xã Gò Công                                                | 53        | B   | Huyện Long Hồ                                                | 54        | B   |
| Huyện Tân Phước                                               | 53        | C   | Huyện Mang Thít                                              | 54        | C   |
| Huyện Châu Thành                                              | 53        | D   | Thị xã Bình Minh                                             | 54        | D   |
| Huyện Cai Lậy                                                 | 53        | E   | Huyện Tam Bình                                               | 54        | E   |
| Huyện Chợ Gạo                                                 | 53        | F   | Huyện Trà Ôn                                                 | 54        | F   |
| Huyện Cái Bè                                                  | 53        | G   | Huyện Vũng Liêm                                              | 54        | G   |
| Huyện Gò Công Tây                                             | 53        | H   | Huyện Bình Tân                                               | 54        | H   |
| Huyện Gò Công Đông                                            | 53        | I   |                                                              |           |     |
| Huyện Tân Phú Đông                                            | 53        | J   |                                                              |           |     |
| Thị xã Cai Lậy                                                | 53        | K   |                                                              |           |     |

| Đơn vị hành chính                                            | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                              | Mã        |     |
|--------------------------------------------------------------|-----------|-----|----------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                                              | Số        | Chữ |                                                                | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Bến Tre</b><br>(1 thành phố, 8 huyện)                | <b>55</b> |     | <b>Tỉnh Kiên Giang</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>13 huyện) | <b>56</b> |     |
| Thành phố Bến Tre                                            | 55        | A   | Thành phố Rạch Giá                                             | 56        | A   |
| Huyện Châu Thành                                             | 55        | B   | Thị xã Hà Tiên                                                 | 56        | B   |
| Huyện Chợ Lách                                               | 55        | C   | Huyện Kiên Lương                                               | 56        | C   |
| Huyện Mỏ Cày Nam                                             | 55        | D   | Huyện Hòn Đất                                                  | 56        | D   |
| Huyện Giồng Trôm                                             | 55        | E   | Huyện Tân Hiệp                                                 | 56        | E   |
| Huyện Bình Đại                                               | 55        | F   | Huyện Châu Thành                                               | 56        | F   |
| Huyện Ba Tri                                                 | 55        | G   | Huyện Giồng Riềng                                              | 56        | G   |
| Huyện Thạnh Phú                                              | 55        | H   | Huyện Gò Quao                                                  | 56        | H   |
| Huyện Mỏ Cày Bắc                                             | 55        | I   | Huyện An Biên                                                  | 56        | I   |
|                                                              |           |     | Huyện An Minh                                                  | 56        | J   |
|                                                              |           |     | Huyện Vĩnh Thuận                                               | 56        | K   |
|                                                              |           |     | Huyện Phú Quốc                                                 | 56        | L   |
|                                                              |           |     | Huyện Kiên Hải                                                 | 56        | M   |
|                                                              |           |     | Huyện U Minh Thượng                                            | 56        | N   |
|                                                              |           |     | Huyện Giang Thành                                              | 56        | O   |
| <b>Thành phố Cần Thơ</b><br>(5 quận, 4 huyện)                | <b>57</b> |     | <b>Tỉnh Trà Vinh</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>7 huyện)    | <b>58</b> |     |
| Quận Ninh Kiều                                               | 57        | A   | Thành phố Trà Vinh                                             | 58        | A   |
| Quận Bình Thủy                                               | 57        | B   | Huyện Càng Long                                                | 58        | B   |
| Quận Cái Răng                                                | 57        | C   | Huyện Châu Thành                                               | 58        | C   |
| Quận Ô Môn                                                   | 57        | E   | Huyện Cầu Kè                                                   | 58        | D   |
| Quận Thốt Nốt                                                | 57        | F   | Huyện Tiểu Cần                                                 | 58        | E   |
| Huyện Cờ Đỏ                                                  | 57        | G   | Huyện Cầu Ngang                                                | 58        | F   |
| Huyện Vĩnh Thạnh                                             | 57        | H   | Huyện Trà Cú                                                   | 58        | G   |
| Huyện Phong Điền                                             | 57        | I   | Huyện Duyên Hải                                                | 58        | H   |
| Huyện Thới Lai                                               | 57        | K   | Thị xã Duyên Hải                                               | 58        | I   |
| <b>Tỉnh Sóc Trăng</b><br>(1 thành phố, 2 thị xã,<br>8 huyện) | <b>59</b> |     | <b>Tỉnh Bạc Liêu</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>5 huyện)    | <b>60</b> |     |
| Thành phố Sóc Trăng                                          | 59        | A   | Thành phố Bạc Liêu                                             | 60        | A   |
| Huyện Kế Sách                                                | 59        | B   | Huyện Phước Long                                               | 60        | B   |
| Huyện Long Phú                                               | 59        | C   | Huyện Hồng Dân                                                 | 60        | C   |
| Huyện Mỹ Tú                                                  | 59        | D   | Huyện Vĩnh Lợi                                                 | 60        | D   |
| Huyện Mỹ Xuyên                                               | 59        | E   | Thị xã Giá Rai                                                 | 60        | E   |
| Huyện Thạnh Trị                                              | 59        | F   | Huyện Đông Hải                                                 | 60        | F   |
| Thị xã Vĩnh Châu                                             | 59        | G   | Huyện Hòa Bình                                                 | 60        | G   |
| Huyện Cù Lao Dung                                            | 59        | H   |                                                                |           |     |
| Thị xã Ngã Năm                                               | 59        | I   |                                                                |           |     |
| Huyện Châu Thành                                             | 59        | J   |                                                                |           |     |
| Huyện Trần Đề                                                | 59        | K   |                                                                |           |     |

| Đơn vị hành chính                            | Mã        |     | Đơn vị hành chính                                            | Mã        |     |
|----------------------------------------------|-----------|-----|--------------------------------------------------------------|-----------|-----|
|                                              | Số        | Chữ |                                                              | Số        | Chữ |
| <b>Tỉnh Cà Mau</b><br>(1 thành phố, 8 huyện) | <b>61</b> |     | <b>Tỉnh Điện Biên</b><br>(1 thành phố, 1 thị xã,<br>8 huyện) | <b>62</b> |     |
| Thành phố Cà Mau                             | 61        | A   | Thành phố Điện Biên Phủ                                      | 62        | A   |
| Huyện Thới Bình                              | 61        | B   | Thị xã Mường Lay                                             | 62        | B   |
| Huyện U Minh                                 | 61        | C   | Huyện Nậm Pồ                                                 | 62        | C   |
| Huyện Trần Văn Thời                          | 61        | D   | Huyện Mường Nhé                                              | 62        | D   |
| Huyện Cái Nước                               | 61        | E   | Huyện Tủa Chùa                                               | 62        | E   |
| Huyện Đầm Dơi                                | 61        | F   | Huyện Tuần Giáo                                              | 62        | F   |
| Huyện Ngọc Hiển                              | 61        | G   | Huyện Điện Biên                                              | 62        | G   |
| Huyện Năm Căn                                | 61        | H   | Huyện Điện Biên Đông                                         | 62        | H   |
| Huyện Phú Tân                                | 61        | I   | Huyện Mường Chà                                              | 62        | I   |
|                                              |           |     | Huyện Mường Ảng                                              | 62        | J   |
| <b>Tỉnh Đắk Nông</b><br>(1 thị xã, 7 huyện)  | <b>63</b> |     | <b>Tỉnh Hậu Giang</b><br>(1 thành phố, 2 thị xã,<br>5 huyện) | <b>64</b> |     |
| Huyện Cư Jút                                 | 63        | A   | Thành phố Vị Thanh                                           | 64        | A   |
| Huyện Đắk Mil                                | 63        | B   | Huyện Vị Thủy                                                | 64        | B   |
| Huyện Đắk Song                               | 63        | C   | Thị xã Long Mỹ                                               | 64        | C   |
| Huyện Đắk GLong                              | 63        | D   | Huyện Châu Thành A                                           | 64        | D   |
| Huyện Đắk RLấp                               | 63        | E   | Huyện Châu Thành                                             | 64        | E   |
| Huyện Krông Nô                               | 63        | F   | Huyện Phụng Hiệp                                             | 64        | F   |
| Thị xã Gia Nghĩa                             | 63        | G   | Thị xã Ngã Bảy                                               | 64        | G   |
| Huyện Tuy Đức                                | 63        | H   | Huyện Long Mỹ                                                | 64        | H   |

**Phụ lục VII-3**

**PHÔNG (FONT) CHỮ, CỖ CHỮ, KIỂU CHỮ SỬ DỤNG TRONG CÁC MẪU GIẤY**

| TT | Thành phần thể thức                | Phông (font) chữ                   | Cỡ chữ   | Kiểu chữ                          | Ví dụ                                                                                                                         |
|----|------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Quốc hiệu                          | Times New Roman<br>Times New Roman | 13<br>13 | Đậm và in hoa<br>Đậm và in thường | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br><b>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b>                                               |
| 2  | Tên cơ quan cấp                    | Times New Roman<br>Times New Roman | 13<br>13 | Thường và in hoa<br>Đậm và in hoa | <b>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b><br><b>PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH</b>                                                               |
| 3  | Tên Giấy chứng nhận                | Times New Roman                    | 14       | Đậm và in hoa                     | <b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH</b><br><b>CÔNG TY CỔ PHẦN</b>                                                           |
| 4  | Các nội dung ghi sẵn trên mẫu      | Times New Roman                    | 14       | Thường                            | Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....<br>Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...                     |
| 5  | Các nội dung của từng doanh nghiệp | Times New Roman<br>Times New Roman | 14<br>14 | Đậm và in hoa<br>Thường           | <b>DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY DỰNG TIẾN THÀNH</b><br>Địa chỉ trụ sở chính: Số 195b, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội |
|    |                                    | Times New Roman                    | 14       | In hoa                            | Họ và tên: NGUYỄN VĂN A                                                                                                       |
| 6  | Thành viên công ty                 | Times New Roman                    | 14       | In hoa                            | NGUYỄN VĂN A                                                                                                                  |
| 7  | Chi nhánh, văn phòng đại diện      | Times New Roman                    | 14       | In hoa                            | <b>CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI</b><br><b>HUY HOÀNG TẠI NGHỆ AN</b>                                                      |
|    |                                    | Times New Roman                    | 14       | Thường                            | Số 2, đường Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An                                                                            |
| 8  | Thẻ thức đề ký                     | Times New Roman                    | 13       | Đậm và in hoa                     | <b>TRƯỞNG PHÒNG</b>                                                                                                           |
| 9  | Họ tên người ký                    | Times New Roman                    | 13       | Đậm và in thường                  | <b>Nguyễn Thùy Linh</b>                                                                                                       |
| 10 | Ngày cấp                           | Times New Roman                    | 14       | Thường và in nghiêng              | <i>Đăng ký lần đầu, ngày ... tháng ... năm ....</i><br><i>Đăng ký thay đổi lần thứ: .... ngày ... tháng ... năm .....</i>     |